

Cảm Ứng Thiên Vượng Biên

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

(Bài 23)

(Chánh văn 19 tiếp theo): Trung hiếu.

(Nghĩa là: Trung hiếu).

Luận về chữ hiếu (tiếp theo)

Những tấm gương chí hiếu (tiếp theo)

(Nhạc)

Dương Ất đi xin ăn để phụng dưỡng cha mẹ. Hễ xin được thức ăn, dầu rất đói, chẳng dám nếm, ắt dâng lên cha mẹ trước. Hễ có được thức ăn ngon, ắt quỳ dâng lên. Ông nháy nhót, múa may, hát những bài sơn ca¹ để đẹp lòng cha mẹ.

Suốt mười năm như vậy, người trong làng cảm động trước lòng hiếu thảo ấy, bèn cho tiền, thuê ông làm việc. Ông chẳng nhận, thưa:

- Chẳng thể lìa khỏi cha mẹ một ngày!

Song thân đều chết, ông xin được quan tài, cởi áo của chính mình để [làm vải] liệm, dầu rét buốt căm căm, để mình trần chẳng quản! Ông chôn [cha mẹ] ngoài đồng, ngày đêm gào khóc buồn bã, cúng tế hằng năm chưa từng thiếu sót!

¹ Sơn ca là những khúc hát của dân miền núi.

(nhạc)

Đời Đường, Lý Huýnh Tú tánh chí hiếu. Mẹ thuở trẻ xuất thân nghèo khó, thấp hèn, vợ ông có lần mắng là kẻ nô tỳ. Mẹ bị xúc phạm, chẳng vui lòng. Ông liền bỏ mẹ vợ ấy. Có người hỏi, ông đáp:

- Cưới vợ là vì muốn vợ hầu hạ mẹ chồng. Nếu ả ta khiến cho mẹ buồn bực thì giữ lại để làm gì?

Lòng hiếu cảm động lòng trời, trong nhà mọc nấm linh chi. Đường Trung Tông khen thưởng gia đình ông.

(nhạc)

Cố Hùng nhà nghèo, phải ngồi dạy học tại nhà người khác. Tiền lương mỗi năm đều dâng lên cha, cha thường lãng phí. Chủ nhà thương ông nghèo, tặng tiền lương cả năm cho ông, bảo:

- Cụ nhà không biết, ông có thể tậu ruộng để làm kẻ thu nhập cho vụ Thu.

Cố Hùng đáp:

- Tôi há nổi lòng vì mấy thạch gạo mà thay đổi hiếu tâm thường nhật ư?

Ông đưa trọn món tiền ấy cho cha. Ông sanh con có tên là Tế Minh, tuổi còn thiếu niên đã đỗ đạt.

(nhạc)

Lý Quỳnh cưới vợ đã có con, liền chuyển vào sống cùng chỗ với mẹ. Mỗi đêm, Lý Quỳnh thường phải thức dậy mười mấy lượt [để nâng đỡ mẹ]. Mẹ nói:

- Con mấy năm nay đã yếu rồi, hãy nên thuê tở gái hầu mẹ.

Lý Quỳnh thưa:

- Đối với những gì mẹ cần, nếu con không đích thân làm, trong tâm cảm thấy như mất mát.

Do vậy, mẹ chẳng ép; vì thế, người nhà chẳng có ai dám lười biếng.

(nhạc)

Đời Hán, Tào Nga ở Thượng Ngu, cha là Tào Hu, làm nghề thầy cúng. Ngày mùng Năm tháng Năm, [Tào Hu làm lễ] đón thần bên sông, ngã xuống nước chết đuối. Khi ấy, Tào Nga mười bốn tuổi, tìm xác cha không được, khóc lóc dọc bờ sông suốt bảy ngày đêm, nhảy xuống sông, tới ngày thứ năm, cũng xác cha nổi lên mặt sông. Quan lệnh doãn Thượng Ngu là Độ Thượng tâu trình chuyện ấy. Nhằm biểu dương người con gái hiếu thảo, bèn lập miếu thờ bên sông, cho đến nay vẫn được cúng tế.

(nhạc)

Đời Tống, vợ của Ngô Hiếu góa chồng từ trẻ, không có con, thờ mẹ chồng chí hiếu. Mẹ chồng đã già, lại bị đau mắt, nghĩ bà Ngô cô đơn, muốn kiếm một đứa con nuôi. Bà Ngô khóc thưa:

- Gái trinh liệt chẳng thờ hai chồng! Vợ dộc hết sức hầu hạ [mẹ chồng].

Bà Ngô se gai bện sợi cho làng nước, hễ được tiền bèn dùng để nuôi mẹ chồng. Nếu có món ăn ngon, ắt sẽ gói ôm về cho mẹ chồng dùng.

Đã có một lần, bà Ngô nấu cơm chưa chín, do bà cụ hàng xóm gọi, bèn ra ngoài. Mẹ chồng cho là cơm quá chín, bèn lấy ra đựng trong chậu. Do chẳng nhìn thấy, cụ đổ làm vào cái thùng đựng đồ nhor ướ.

Bà Ngô về đến nhà, chẳng nói gì, vội sang nhà hàng xóm vay cơm cho mẹ ăn. [Sau đấy, bà] kéo nước, gột sạch cơm bản mấy lượt, hấp lên tự ăn.

Một hôm, bỗng mộng thấy có hai đứa trẻ mặc áo xanh (tức là tiên đồng) cười mây đến, tay cầm công văn, nói là “Thượng Đế triệu kiến”, dẫn bà vào triều kiến. Thượng Đế nói:

- Ngươi là một người nữ ở làng quê, có thể phụng sự mẹ chồng đã già, chịu thương, chịu khó tận tâm. Đúng là đáng trọng! Thương cho ngươi một ngàn đồng để có tiền ăn, từ nay chẳng cần phải làm mướn nữa.

[Thượng Đế] sai hai tiên đồng đưa [bà Ngô] về. [Bà tỉnh giấc], quả nhiên thấy đầu giường có món tiền một ngàn đồng. Từ đó, hể dùng hết, lại có một ngàn đồng khác, liên miên chẳng ngừng!

(nhạc)

Khâu Đặc chôn mẹ ở chỗ khoảng khoát trên núi Phượng Minh, khóc kể: “Suốt đời Đặc chẳng lìa khỏi gối mẹ chừng gang tấc. Nay mẹ đã qua đời, đành phải gởi thể phách nơi gò hoang không người”, bèn dựng lều tranh bên mộ, sớm chiều dâng thức ăn như khi còn sống.

Trong đêm lạnh, không trăng, gió thảm thổi ù ù, Khâu Đặc sợ mẹ quanh quẽ, liền đi rào quanh mộ, khóc lóc ai oán:

- Đặc ở đây!

Vùng ấy có nhiều cộp, nghe tiếng khóc của ông Đạc bèn tránh đi, người ta xưng tụng ông là hiếu tử thật sự.

(nhạc)

Vào đời Minh, Ngô Chương mồ côi [cha] từ bé. Khi lên mười, mẹ là Lục Thị trong niên hiệu Vĩnh Lạc vâng theo lệnh tuyển, vào cung. Mẹ theo thân vương (Hoài Tĩnh Vương Châu Chiêm) đến đất phong ở Thiều Châu, Quảng Đông. Ngô Chương nghe tin, cảm thán, tuôn trào nước mắt, bỏ nhà tìm mẹ. Trong thuyền, Ngô Chương bày tượng Quán Âm để lễ bái, cầu gặp được mẹ. Thành tâm, khẩn thiết, cất tiếng khóc thê thảm.

Giữa đường, ông mắc bệnh ly, ngày đêm đi ngoài cả trăm lượt. Trong khi đã mê mết, miệng vẫn gọi mẹ không thôi. Đến Thiều Châu, [mới biết tin] mẹ lại theo thân vương đổi sang đất phong ở Giang Tây, ông bèn theo đường bộ qua Nhiêu Châu.

Do ruồi rong trên cát đá, hai chân đều sưng phù, nằm gục ngoài đồng. Có một vị đạo nhân tự nói họ là Tiêu, lấy thuốc thoa cho, [Ngô Chương] lập tức khỏi. Qua núi, [Ngô Chương] bị một con rắn đen mổ trúng chân, ngã lăn xuống đất. Lại thấy Tiêu đạo nhân tìm đến bôi thuốc cho, đau đớn hết sạch.

Ông nghỉ đêm tại cô thôn, chưa đến sáng đã đi, gặp trận tuyết lớn, phải đụt tại ngôi miếu cổ. Bỗng lại thấy Tiêu đạo nhân đến, phủ dụ rằng:

- Vì mẹ quên thân dường ấy, đúng là người có ý chí cương quyết.

Lấy bánh cho ăn, [ăn xong, Ngô Chương] nhanh chóng quên mất đói lạnh. Tới Nhiêu Châu, hỏi thăm, mới biết mẹ ở

trong vương phủ, bèn dâng thư xin gặp, chẳng được chấp thuận. Ông bèn thuê một phòng trong phủ, chính giữa viết chữ to “*Tư Thân*” (nhớ mẹ). Bên cạnh đó viết: “*Muôn dặm tìm mẹ, trải trăm nỗi gian nan chẳng hối hận. Một mai được thấy mẹ, thề chết chín lần nào ngại?*”

Về sau, cầu thỉnh được, bèn vào cung gặp mẹ ở nơi dưỡng bệnh. Bệnh tình mẹ đã nguy ngập, hôn mê chẳng nhận biết con. Ngô Chương thấp nhang cầu trời, cắt bắp đùi nấu cháo dâng mẹ. Mẹ dần dần tỉnh lại, ôm con đau đớn khóc ròng. Thân vương nghe chuyện, biết ông Chương là người hiền, vội đến ban vàng lụa, sai đưa mẹ về. Về sau, con Ngô Chương là Hồng, cháu là Sơn, đều làm quan đến chức Hình Bộ Thượng Thư. Cho đến nay [con cháu ông Ngô] đồ đạt chẳng dứt.

(nhạc)

Lưu Tuân Trục vào thuở ẵm chỏm, cha mẹ đều mất, khóc lóc bi thương gần đứt hơi. Gắng gỏi chuyên tâm học hành, đọc sách tới nửa đêm. Có một đêm, người chú nghe Tuân Trục khóc lóc hết sức ai oán, bèn hỏi nguyên nhân. Ông thưa:

- Cháu đọc truyện Mã Châu, tới chỗ sách chép ông ta mất cha mẹ từ bé, không cách nào thể hiện lòng khuyến mã phụng dưỡng², bèn buồn bã cảm thương không thể tự ngăn được!

Chú cũng lắc đầu thở dài. Sau này, [Lưu Tuân Trục] thi đỗ.

² “Khuyến mã phụng dưỡng”: Từ ngữ này phát xuất từ thiên Vi Chánh trong sách Luận Ngữ: “*Kim chi hiếu giả, thị vị năng dưỡng. Chí ư khuyến mã, giai năng hữu dưỡng, bất kính, hà dĩ biệt hồ?*” (Nay cứ cho con phụng dưỡng cha mẹ là hiếu, nhưng chó, ngựa cũng đều có thể nuôi đấy thôi! [Nuôi cha mẹ] mà chẳng kính, có khác gì [nuôi chó, ngựa] đâu?)

Thời Hán Vũ Đế, Trương Thang và Đỗ Châu đều là hạng quan lại tàn khốc, nhưng con của hai người ấy lại hết sức công bằng, khoan dung. [Trong khi soạn bộ sử Hán Thư], trong phần Khốc Lại (酷吏, quan lại tàn khốc), [sử gia] Ban Cố đặc biệt tỏ ra khoan dung đối với họ Trương, họ Đỗ là vì con của họ vậy.

Con của Trương Thang là Trương An Thế, làm quan suốt ba mươi năm, trung tín, cẩn thận, đôn hậu, siêng năng lo việc quan, ản giấu khuyết điểm của người khác, chú trọng khoan hồng.

Con Đỗ Châu là Diên Niên, phù tá Hoắc Quang. Hoắc Quang vận dụng pháp luật rất nghiêm, Diên Niên làm phụ tá lại khoan hồng. Thấy sau khi Văn Đế bị hao hụt quốc khố, đã nhiều lượt thưa với Hoắc Quang, *“hãy nên cai trị như thời Hiếu Văn, tiết kiệm, khoan dung, hòa hoãn, hồng thuận lòng trời, đẹp ý dân”*. Hoắc Quang nghe theo lời ấy.

Về sau, An Thế làm quan tới chức Đại Tướng Quân, được phong là Phú Bình Hầu, con cháu nối tiếp nhau kế thừa tước vị. Chắt là Thuần lại làm Đại Tư Không. Diên Niên do công tôn lập thiên tử, được phong tước hầu, lại làm Ngự Sử Đại Phu. Con ông ta là Hoãn cũng kế thừa tước hầu.

Lễ Ký nói: *“Phanh thực tiến hình, thường nhi trí chi, phi hiếu dã, dưỡng dã. Quân tử chi sở vị hiếu giả, quốc nhân giai viết, hạnh tai”* (Nấu chín, dâng hiến đồ ăn thơm ngon, nếm trước rồi mới dâng lên, đó chẳng phải là hiếu, chỉ là dưỡng mà thôi. Bậc quân tử được khen là người có hiếu, người trong nước đều mừng rỡ bảo: “May mắn thay!”). Có con như thế, có thể nói là hiếu vậy! Dám dùng những điều này để khuyên mọi người hãy kính trọng cha mẹ, che giấu những lỗi lầm của cha mẹ.

Đời Tống, Hàn Trung Ngạn là con của Hàn Kỳ. Hàn Kỳ tận trung, không có ý riêng tư. Trung Ngạn làm tể tướng, trừ bỏ nạn thuế khóa hao hụt, phục hồi chức vị cho những người bị lưu đày, thâu nhận sử dụng những bậc danh hiền.

Đặng Tuân Vũ nói:

- Trung Ngạn có thể kế thừa chí cha.

Lại nữa, Phạm Thuần Nhân là con của Phạm Trọng Yêm. Trọng Yêm coi thiên hạ là trách nhiệm của chính mình. Thuần Nhân làm tri phủ Khánh Châu, do kêu oan cho người khác mà bị bắt giam. [Lúc ông bị giải đi], mấy vạn người chặn ngựa, khóc lóc.

Ông làm quan từ Gián Nghị Xu Mật thăng lên Tể Tướng, ba lần bị bãi chức, ba lần phục chức. Ông lấy khoan dung, rộng rãi làm phẩm đức chánh yếu, chẳng ghi sâu tội lỗi của người khác. Khi đã bệnh nặng, vẫn cố gắng biện giải chuyện Tuyên Nhân³ bị vu cáo, gièm báng. Ông mất đi, có thụy hiệu là Trung Tuyên. Vua đích thân viết lên bia: “*Cứu đời, trung*

³ Tuyên Nhân là hoàng hậu của Tống Anh Tông. Về sau, được tôn là Tuyên Nhân Liệt Thánh Thái Hoàng Thái Hậu. Bà họ Cao, tên là Thao Thao, là mẹ của Tống Thần Tông (Triệu Húc), bà nội của Tống Triết Tông (Triệu Hú) và Tống Huy Tông (Triệu Cát).

Bà kịch liệt phản đối các biện pháp của Vương An Thạch, trọng dụng phe Tư Mã Quang. Bà được ca ngợi có tài chấp chánh, giúp cháu là Tống Triết Tông cai trị. Các sử gia đánh giá bà uyên bác, anh minh, nghiêm chỉnh chấp hành lễ pháp, giúp cho thời kỳ đầu cai trị của Tống Triết Tông khá thịnh trị. Do vậy, bà được tôn là Nữ Trung Nghiêu Thuấn.

Sau khi bà mất, những kẻ căm ghét bà đã bôi bác, tìm mọi cách bêu xấu bà. Chuyện bôi xấu này cũng do Tống Triết Tông chỉ đạo, vì nhà vua vốn đã ham chơi, thích hưởng lạc, lại luôn bị bà nội gò ép vào kỷ cương, cho nên ngầm ngầm ôm lòng oán hận!

trực” hòng tỏ rõ ân vua sủng ái. Hai vị này có thể thừa kế chí của người đời trước như vậy đó!

Lại thấy những kẻ giấu điều ác, bắt tài, làm nhục lây tổ tiên, sẽ biết [chính mình phải nên làm] như thế nào? Vì thế, sách Lễ Ký viết: “*Phụ mẫu tuy một, tương vi thiện, tư di phụ mẫu lệnh danh, tất quả. Tương vi ác, tư di phụ mẫu tu nhục, tất bất quả*” (Tuy cha mẹ đã mất, làm lành để tạo tiếng thơm cho cha mẹ, ắt sẽ làm được. Toan làm ác khiến cho cha mẹ xấu hổ, nhục nhã, ắt sẽ chẳng được).

Lại nói: “*Phụ mẫu một, thận hành kỳ thân, bất di phụ mẫu ác danh, khả vị năng chung hỹ*” (Cha mẹ đã mất, hành xử thận trọng, chẳng gieo tiếng ác cho cha mẹ, có thể gọi là người trọn vẹn vậy). Có thể thấy, bất luận cha mẹ còn hay mất, chỉ giữ tâm lòng lành thì là hiếu. Nếu cha mẹ chẳng còn, vẫn có thể dốc lòng hiếu từ chỗ này. Nếu làm chuyện sai quấy, khiến cho cha mẹ bị nhục nhã, bị người khác ghét bỏ, tức là đại bất hiếu.

Đời Minh, Dương Sĩ Kỳ là nguyên lão bốn triều, được quốc gia hết sức ưu đãi, nhưng con ông là Tắc cậy thế làm ác. Sĩ Kỳ nuông chiều con quá mức, chẳng biết. Tới khi những kẻ bị hại đua nhau tâu lên triều đình [danh sách] những người đã bị hãm sát hại và những chuyện ác của hắn đến mấy chục điều, vua mới giao vụ án này cho pháp ty, lại còn hạ chiếu chỉ đặc biệt an ủi Sĩ Kỳ:

- Con của khanh đã trái nghịch gia huấn, phạm đến kỷ cương của quốc gia, trẫm chẳng dám có lòng riêng tư, khanh hãy nên xử sự đúng lẽ.

Sĩ Kỳ bất đắc dĩ, luận tội xử trảm [Dương Tắc]. Do vậy, thanh danh bị tổn hại to lớn. Ôi! Sĩ Kỳ là nho sĩ cầm quyền cai quản đất nước, Dương Tắc là con trai của Tể Tướng bị

chém đầu ngoài chợ, bại hoại danh tiếng gia đình, khiến cho cha mẹ xấu hổ, nhục nhã, đã chết rồi vẫn còn nợ. Những con cháu nhà sang cả kiêu căng, cậy thế lực của cha mà hoành hành, trông thấy chuyện này, lẽ nào chẳng sợ ư?

Trình Ác Tử là người xứ Thuận Nghĩa, có một đứa con trai, hết sức nuông chiều. Tánh họ Trình hung hăng, chẳng tôn trọng mẹ. Mẹ đã già, thường bị đánh chửi. Một hôm, mẹ ẵm cháu lỡ làm rơi xuống đất, khiến đứa cháu bị sứt trán. Ác Tử trở về, tưởng mẹ hại con mình, cáu giận, chửi bới dữ dội. Mẹ sợ hãi, chạy sang nhà con gái, lánh mặt mấy ngày.

Hắn chẳng nguôi giận, bèn giấu dao bén sang đón mẹ nói:

- Cháu bé đã lành, hãy mau trở về.

Mẹ theo về. Đến chỗ vắng giữa đường, hắn rút dao đâm ruột mẹ, nào ngờ dao tự đâm vào hông hắn, đổ ruột ra. Chẳng biết vì sao dao lại quay ngược như thế! Xác hắn chôn nhiều lần, cứ bị lộ ra, quạ, chó ăn sạch chẳng còn!

Trương Nghĩa mỗi ngày đều sám hối tội lỗi với trời, bỗng bị bắt xuống âm phủ, [được Diêm Vương] cho coi sổ đen. Những tội ác trong ấy đều đã trừ sạch, chỉ còn sót một chuyện. Chính là khi Trương Nghĩa còn trẻ, do bị cha quở trách bèn cáu giận trợn mắt nhìn cha. [Do vậy] mới biết cái tội bất hiếu chẳng thể sám hối!

La Củng vào trường Thái Học. Trước mỗi kỳ thi đều cầu đảo. Đêm mộng thấy thần bảo:

- Người đã đắc tội với cõi âm, hãy mau trở về.

La Củng [van nài] hỏi nguyên do, thần bảo:

- Người không chôn cất cha mẹ.

La Cung thưa:

- Tôi còn có anh, có sao riêng mình tôi mắc tội?

Thần bảo:

- Người là nho sĩ, biết rõ lễ nghĩa. Anh người không hiểu biết, chẳng đáng trách phạt.

Quả nhiên La Cung chết trong năm ấy!

Không Tử soạn Hiếu Kinh, mỗi tối ắt [búi tóc gọn ghẽ], dùng một chiếc bút xanh nhạt làm trâm cài, mặc áo đơn sắc đỏ, hướng về sao Bắc Cực, cúi mình trầm ngâm hồi lâu rồi mới lạy xuống.

Tăng Tử ôm Hà Đồ Lạc Thu, bảy mươi hai [đồ đệ] đều [hành lễ] theo Ngài. Đại khái là có sự cầu khẩn như thế. Đến khi soạn kinh Xuân Thu, cũng lại như thế.

Một tối, bỗng có một tia hắc khí từ sao Bắc Đẩu xẹt xuống, chiếu thẳng trước án. Mở ra, chính là ý chỉ nhỏ nhiệm [từ cõi trời, mong mỏi] Không Tử tròn đủ tâm lượng [rộng khắp để biên soạn Hiếu Kinh hồng làm chuẩn mực] tột cùng đến muôn đời cho nhân luân.

Hiếu Kinh gồm mười tám thiên, phơi bày cặn kẽ trọn hết đạo phụng sự cha mẹ của người làm con. Đó gọi là “*trong cuộc sống, ăn uống hàng ngày, chẳng thể lìa khỏi [đạo hiếu] dấu khoảnh khắc*”. Kẻ học Nho trong cõi đời há có thể [nại có Hiếu Kinh] chưa được xếp vào những sách [cần phải học] để thi cử, mà bỏ qua sách này, chẳng nhắc tới ư?

Nay luận về hiếu thì phải quy về cội gốc nơi Phu Tử, sẽ suy ra ý định soạn Hiếu Kinh của Ngài. Ấy là vì Ngài hằng ngày mong mỗi những nhà Nho sẽ dốc hết sức thực hành hồng giúp sức tuyên dương sự giáo hóa [của thánh hiền], khiến cho thói tục được tốt đẹp hơn. Dụng tâm hết sức khổ sở, thiết tha tốt bậc vậy thay!

(Nhạc)

(Chánh văn 20) Hữu để.

(正文)友悌。

(Tạm dịch: Thuận thảo với anh em).

Hiếu và Đễ vốn là một, nay lại nói chuyên biệt, hồng muốn cho mọi người sẽ tùy theo từng sự mà trọn hết [bốn phận] vậy. Anh hòa thuận, yêu thương, đáng kính; em thì kính thuận, nể sợ [anh], hòa hợp.

Anh em là những người có cùng khí chất với thân ta, chỉ có mấy người này [là những người thân thiết] khó có nhất trong một đời người. Nhìn từ phía cha mẹ, [anh em] vốn là một Thể. Nếu anh em có chút đối chọi, lòng cha mẹ liền đau xót, bất an. Vì thế, thấy anh em ta thương yêu nhau, cha mẹ ta sẽ rất thoải mái, yên vui. Hơn nữa, anh em được gọi là “*tay chân*”, ắt phải che chở, nâng đỡ lẫn nhau. Ngứa và đau liên quan, há có chuyện tay chân tự tranh đoạt lẫn nhau ư?

Hãy nên nghĩ [anh em đều do] cha mẹ sanh ra, vốn cùng một Thể, tình cốt nhục khó thể chia lìa. Hễ vì ý khí [xáo động] mà giận dữ, tranh giành, hãy tự dây lòng bất nhẫn. Đối những thứ tài lợi nhỏ nhặt, hãy tự xem nhẹ. Thiền sư Pháp Chiêu có bài kệ rằng:

Đồng khí liên chi các tự vinh,

*Ta ta ngôn ngữ mạc thương tình,
Nhất hồi tương kiến nhất hồi lão,
Năng đắc kỷ thời vi đệ huynh.*

*Huynh đệ đồng cư nhân tiện an,
Mạc nhân hào mạt khởi tranh đoan,
Nhân tiên sanh tử hựu huynh đệ,
Lưu dử nhi tôn tác dạng khan.*

(Tạm dịch:

Đồng khí liên cành thảy tốt xinh,
Đừng vì lời nói tổn thương tình,
Mỗi lần gặp gỡ, già hơn trước,
Mấy thuở được làm nghĩa đệ huynh?

Anh em chung ở, nhường liên ôn,
Đừng vì chuyện vật dấy đua tranh,
Con cái chúng ta là huynh đệ,
Nêu gương cho cháu lẫn con nhìn).

Sách Viên Thị Thế Phạm⁴ có đoạn:

“Cha anh yêu thương con em, chẳng cần đòi hỏi con em
ắt phải hiếu thuận. Con em yêu thương cha anh, chẳng cần đòi
hỏi cha anh ắt phải nhân từ. Ai nấy chú trọng trọn hết trách
nhiệm của chính mình, căn bệnh mong ngóng, trách móc sẽ tự
trừ.

⁴ Viên Thị Thế Phạm là một bộ sách do Viên Thái soạn vào đời Tống. Sách gồm những lời khuyên về luân lý gia đình như cách cư xử chánh đáng trong các mối quan hệ như cha con, anh em, vợ chồng, chị em dâu, con cháu v.v...

Nghiêm cảm tỳ thiếp chẳng được ngồi lê đôi mách; đối với những lời lẽ trong chốn riêng tư của vợ hay nàng hầu, dầu hợp ý, cũng chớ nghe theo, ắt đầu mối ly gián sẽ tự chấm dứt.

Tánh tình của con người hoặc mềm mỏng, hoặc cứng cỏi, hoặc hành xử cẩn thận, hoặc hào phóng, buông tuồng, hoặc là an tĩnh, hoặc là bộp chộp; lúc gặp chuyện, đúng sai khác nhau, chỉ nên đối với mỗi trường hợp mà hành xử thích hợp.

Đừng vì thấy ta là đúng, mà đòi hỏi mọi chuyện ắt phải hợp ý mình; [như vậy thì] há còn có tranh chấp? Dầu cho gặp cảnh bất bình, chẳng nỡ bâng quan, chỉ nên bình tâm hòa khí, mềm mỏng, khéo léo khuyên lơn. Như thế thì há có chuyện chẳng hòa thuận ư?

Người thời nay đánh mất niềm vui cốt nhục, nguyên do là vì những điều hết sức nhỏ nhặt mà dẫn đến [tình trạng] chẳng thể giải quyết được! Chỉ vì sau khi đã bất hòa, ai nấy đều tự ái cao ngất ngưởng, chẳng thể buông xuống được! Nếu trong ấy, có một người hiền hòa, sáng suốt, cam lòng chịu thua thiệt, có thể tự xuống nước trước để lo liệu, bàn soạn với những người khác, ắt đôi bên sẽ chịu thương thảo với nhau, dần dần hòa hảo như lúc bình thường vậy.

Đời Minh, ông Vương Dương Minh nói: “*Vua Thuần có thể cảm hóa [em trai là] Tạng, điều then chốt chỉ là [vua Thuần] chẳng thấy Tạng là sai!*” Ngu ý cho rằng: Trong vòng cốt nhục, chỉ nên nói theo tình, chớ nên nói theo lý. Hễ chấp lý sẽ tổn thương tình, hễ tổn thương tình thì chẳng phải là đúng lý vậy!

Như có kẻ hỏi Trình Tử:

- Tôi phụng sự anh tôi trọn hết lý, mà anh tôi chẳng vui lòng, biết làm sao đây?

Ông Trình đáp:

- Chỉ nên dấy lòng hiếu kính, trọn hết lòng chí thành, chẳng cần biểu lộ [ồn ào tâm ý của] chính mình là được rồi!

Hỏi:

- Chăm sóc em trai bằng cách nào?

Đáp:

- Trọn hết lòng hòa thuận, yêu thương mà thôi!

Trong bài Hiếu Đễ Ca của tiên sinh Thiệu Nghiêu Phu (Thiệu Ung)⁵ đời Tống có đoạn:

- Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh. Trong vòng cốt nhục, đừng dấy lên sóng gió. Ân cha mẹ mênh mông hãy nên báo đền. Phải biết tình thủ túc sâu đậm nhất, phải nên hòa thuận. Dòng họ Trương Công Nghệ⁶ [chín đời] ở chung

⁵ Thiệu Ung (1011-1071), tự là Nghiêu Phu, hiệu là Khang Tiết, sống vào đời Bắc Tống. Ông nghiên cứu kinh Dịch tinh thâm, sáng lập thuật bói Mai Hoa Dịch Số lừng danh.

Bộ sách Mai Hoa Dịch Số của ông được xếp vào Tứ Đại Kỳ Thư (Bao gồm: Kinh Dịch, Mai Hoa Dịch Số của Thiệu Khang Tiết, Ma Y Tướng Thuật và Địa Lý Toàn Thư). Ông còn được coi là một trong những nhà sáng lập Lý Học, tuy không nổi tiếng như Châu Đôn Di, Trình Hạo (v.v...) Một tác phẩm lừng lẫy khác của ông là bộ Hoàng Cực Kinh Thế được coi là nền tảng cho sự tổng hợp hoàn thiện giữa tư tưởng của kinh Dịch và Đạo gia.

⁶ Trương Công Nghệ sống vào thời đại Tùy - Đường tại Thọ Dương thuộc châu Hà Nam. Dòng họ của ông chín đời ở chung với nhau, không tách rời. Ông viết chữ Nhẫn rất to, rất nhiều dán khắp nơi trong nhà để tự nhắc nhở chính mình lẫn người khác. Một câu nói của ông đã trở thành thành ngữ là “*bách nhẫn thành kim*” (trăm điều nhẫn sẽ thành vàng).

với nhau xưa nay hiếm. [Anh em] Điền Chân⁷ ở chung, con cháu đông đảo. Những người như thế xa gần đều ca ngợi. Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh⁸.

Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh. Nói năng nhỏ nhẹ, khiêm hòa. Nan huynh nan đệ⁹ danh càng trọng. Con hiền cháu thảo cốt cho nhiều. Đội gạo vẫn có thể phụng dưỡng tuy đơn bạc. Kẻ đọc sách có ai chẳng mong đỗ đạt cao [hòng dùng bổng lộc phụng dưỡng cha mẹ]? Trọng Do, Trần Kỳ¹⁰ đều như thế. Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh.

⁷ Điền Chân là người đời Hán, ông có hai em trai là Điền Khánh và Điền Quảng, ba người muốn chia riêng nhà để ở. Trước nhà có một cây tử kinh to rất sum xuê. Họ muốn hạ cây xuống, cưa đều ra để chia nhau, bỗng cây ấy chết khô. Họ bèn bỏ ý định tách ra sống riêng.

⁸ Ông Thiệu Ung mở đầu và kết thúc mỗi đoạn bằng câu “*tử dưỡng thân hề, đệ kính ca*” (có nghĩa là: con cái phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh).

⁹ “*Nan huynh nan đệ*” là một thành ngữ nhằm ca ngợi anh lẫn em đều có tài, hiền đức, khó thể phân định được ai hơn, ai kém. Thuở trước, Trần Nguyên Phương (Trần Kỳ) và Trần Quý Phương (Trần Kham) đời Đông Hán đều có học vấn lỗi lạc, phẩm đức xuất sắc, nên người đời bèn nói họ là “*nan huynh, nan đệ*”.

¹⁰ Trọng Do chính là Tử Lộ. Khi còn hàn vi, nhà ông rất nghèo, ông phải đi đội gạo thuê rất xa để có tiền phụng dưỡng cha mẹ. Không có tiền mua thức ăn, ông phải hái các loại rau lê, rau hoắc để nấu canh cho cha mẹ ăn tạm. Trong tác phẩm Nhị Thập Tứ Hiếu, cụ Lý Văn Phức đã ca ngợi:

*“Thầy Tử Lộ cũng người nước Lỗ,
thờ hai thân từng bữa canh lê,
thường khi đội gạo đi về,
xa xôi trăm dặm nặng nề hai vai,
đỉnh hoa biểu từ khơi bóng hạc,
gót nam du nhẹ bước tang bồng.
Xe trăm cỗ, thóc muôn chung.
Ngồi chồng đệm ghép, ăn chồng vạc cao.*

Vâng ạ thời gian đã hết bài hôm nay chúng ta sẽ kết thúc ở đây.

(nhạc)

Chúc bạn

Không làm các việc ác
Mỗi năm được bình an
Siêng làm các việc lành
Năm nào cũng như ý

Website: www.duongdenhanhphuc.vn

Kênh Youtube: duongdenhanhphuc

Hoan nghênh mọi hình thức ấn tống, sao chép, copy, công đức vô lượng!

Thân phú quý ngấm vào thêm tui.
Đức cù lao chạnh tới càng đau.
Nào khi đội gạo, canh rau,
muốn còn như cũ để hầu được ru!”

Trần Kỷ (tự là Nguyên Phương) và em là Trần Kham (tự là Quý Phương) là con trai của Trần Thực. Hai anh em đều được xưng là bậc hiền đức, hiếu thảo cao tột thuở đương thời.